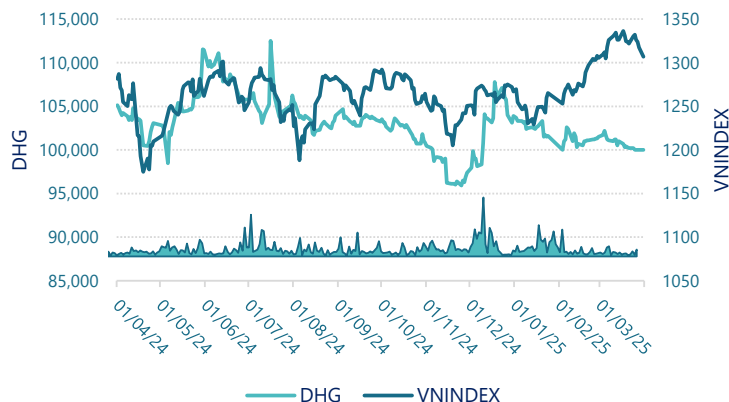


CTCP Dược Hậu Giang (HSX: DHG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	100,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	112,499
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	95,918
SL cổ phiếu LH	130,746,071
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,200
% sở hữu nước ngoài	53.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,075
P/E	15.9
EPS	6,294

DT thuần

Q1/25

1,195

tỷ VNĐ

QoQ: ▼264 | -18.1%

YoY: ▼64.0 | -5.1%

LN sau thuế

Q1/25

266

tỷ VNĐ

QoQ: ▲58.0 | 28.0%

YoY: ▲44.0 | 19.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

19.0%

+/- YoY: ▼4.7%

DT thuần

2024

4,885

tỷ VNĐ

YoY: ▼130 | -2.6%

LN sau thuế

2024

779

tỷ VNĐ

YoY: ▼272 | -25.9%

ROE

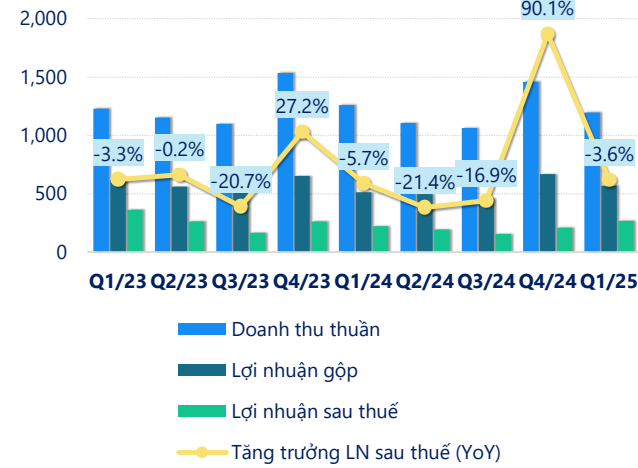
2024

17.4%

+/- YoY: ▼5.6%

tỷ VNĐ

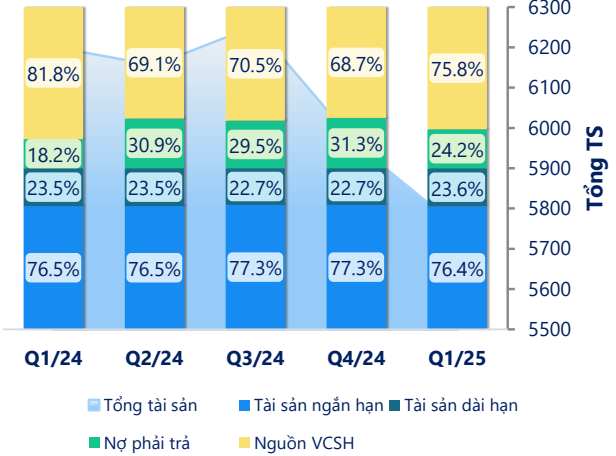
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

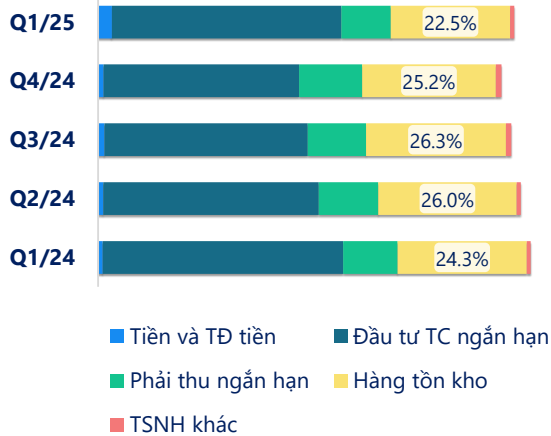
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



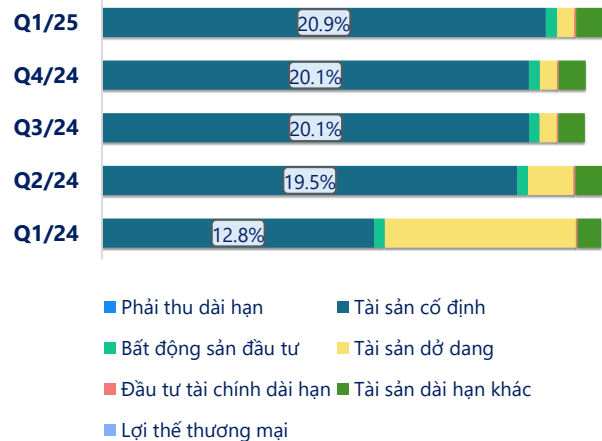
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

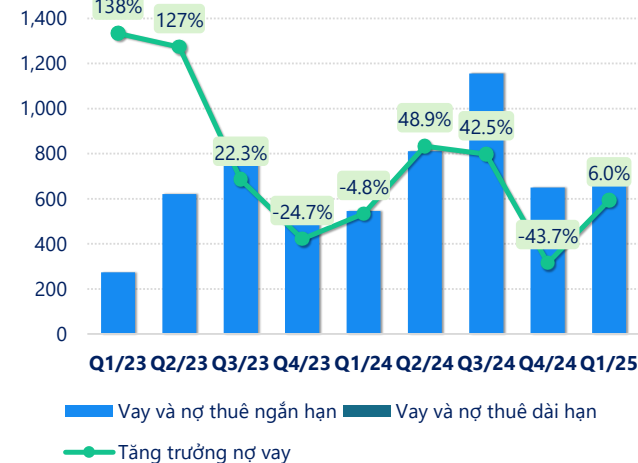
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

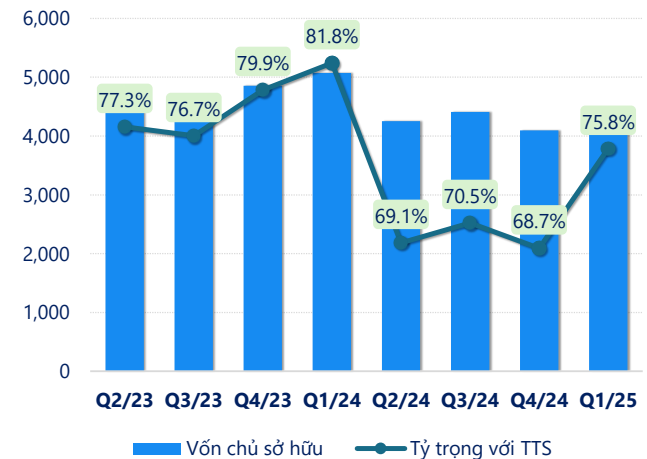
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

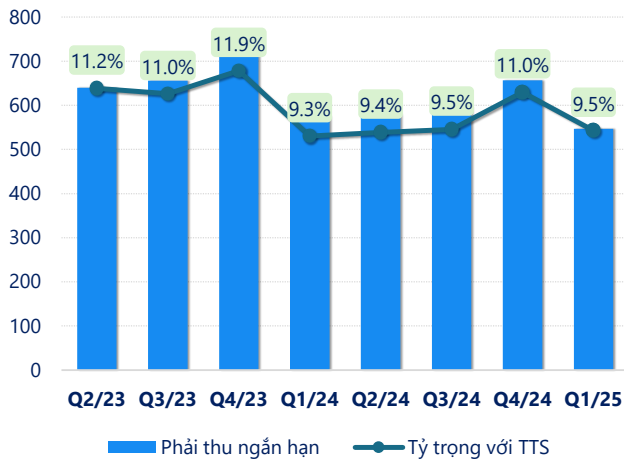
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



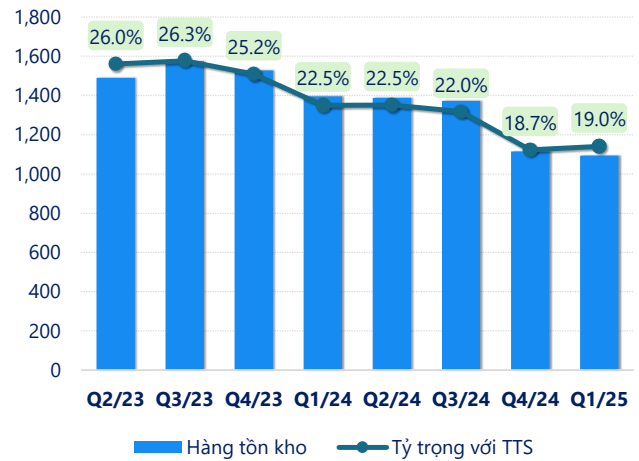
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


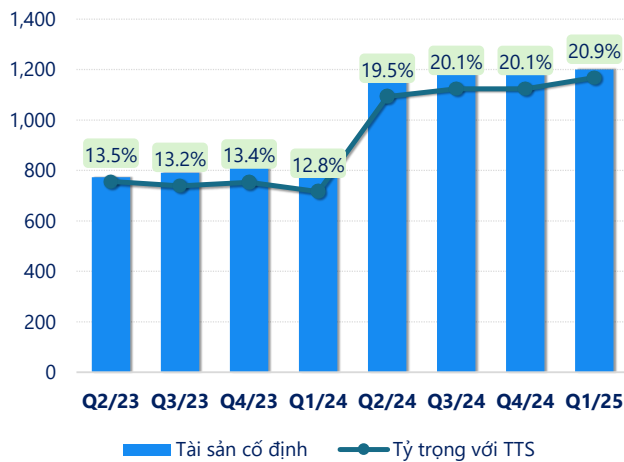
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


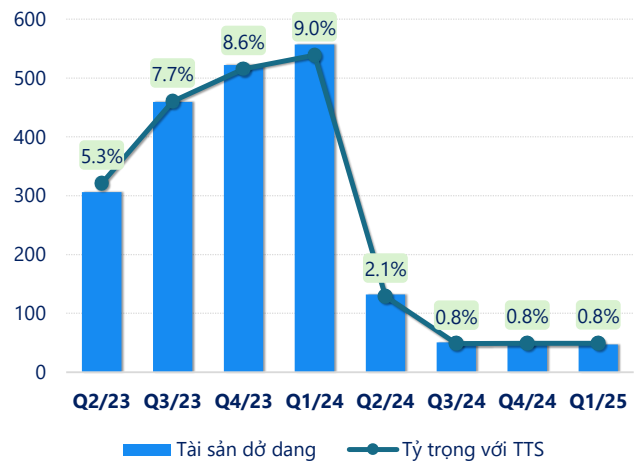
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

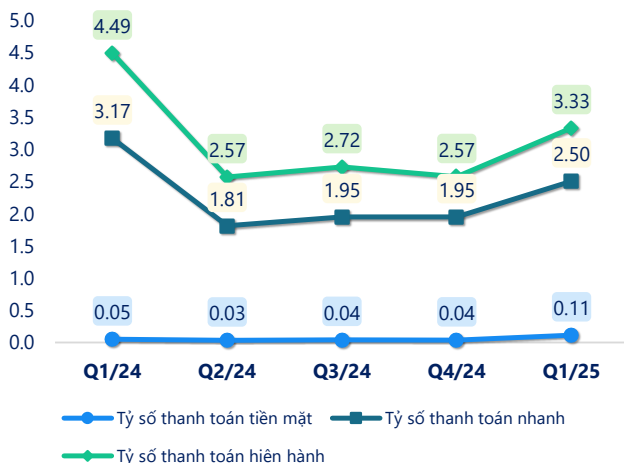
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	6,201	6,155	6,253	5,959	5,756
Tài sản ngắn hạn	4,746	4,708	4,834	4,604	4,400
Tiền và tương đương tiền	52.7	61.6	76.4	62.9	150
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,675	2,650	2,760	2,745	2,575
Phải thu ngắn hạn	576	580	597	657	547
Hàng tồn kho	1,395	1,387	1,373	1,115	1,094
Tài sản ngắn hạn khác	47.4	29.1	27.5	24.0	33.9
Tài sản dài hạn	1,455	1,447	1,419	1,355	1,356
Phải thu dài hạn	0.70	0.70	0.70	0.21	0.21
Tài sản cố định	793	1,201	1,255	1,196	1,201
Bất động sản đầu tư	31.3	31.1	30.9	30.7	30.5
Tài sản dở dang	557	132	50.8	48.6	47.3
Đầu tư tài chính dài hạn	4.42	4.53	4.47	4.44	4.56
Tài sản dài hạn khác	69.1	77.7	77.6	75.4	72.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,126	1,902	1,844	1,864	1,395
Nợ ngắn hạn	1,057	1,832	1,774	1,790	1,321
Vay và nợ thuê ngắn hạn	545	811	1,155	650	689
Phải trả người bán ngắn hạn	251	224	257	167	329
Nợ dài hạn	69.0	69.5	69.6	74.2	73.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,075	4,254	4,410	4,095	4,361
Vốn chủ sở hữu	5,075	4,254	4,410	4,095	4,361
Vốn điều lệ	1,307	1,307	1,307	1,307	1,307
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)